

Số: /YC-TTYT

Quảng Khê, ngày 11 tháng 12 năm 2025

V/v yêu cầu báo giá Mua sắm Vật tư y tế,
hoá chất xét nghiệm phục vụ bệnh nhân.

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức chỉ định nhà thầu cho việc Mua sắm vật tư y tế rút thầu và hoá chất xét nghiệm trúng thầu số lượng ít đã sử dụng hết để phục vụ bệnh nhân với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Chị Nguyễn Thị Thành – Phó trưởng khoa Dược – TTB – VTYT – Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong, số điện thoại: 0986.976.167.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Quý công ty có thể lựa chọn báo giá theo một trong các cách thức sau:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ:* Phòng Tổ chức hành chính - kế toán – Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong; Thôn 3 xã Quảng Khê tỉnh Lâm Đồng. (Nhận vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu).

- *Nhận qua email:* bvdkdakglong.khoaduoc@gmail.com. nhận file mềm excel và bản scan.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 15 tháng 12 năm 2025 đến trước 17h ngày 26 tháng 12 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế: *(theo danh mục đính kèm).*

2. Địa điểm cung cấp: Khoa Dược – TTB – VTYT. Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong. Đ/c: Thôn 3 xã Quảng Khê tỉnh Lâm Đồng.

3. Báo giá có đầy đủ các thông tin theo mẫu phụ lục kèm theo thông báo này (bao gồm đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền và dấu của công ty).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, KD (Ds.T).

GIÁM ĐỐC

VŨ XUÂN TÂN

PHỤ LỤC

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm.

STT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Quy cách đóng gói	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)	Giá kê khai (còn hiệu lực) (VND)	Mã kê khai	Mã VTYT theo quyết định 5086/QĐ-BYT (nếu có)
Cộng khoản: khoản																

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các hàng hóa).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày]*,

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này..
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục hàng hóa”.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng mặt hàng.
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của từng mặt hàng.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng theo đúng số lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng mặt hàng.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng mặt hàng; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng mặt hàng. Đối với các mặt hàng nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của mặt hàng đó.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng mặt hàng. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng mặt hàng (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). (12)
Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền,

phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Phụ lục

DANH MỤC MUA SẴM MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ
(Kèm theo thông báo số:/TB-TTYT ngày tháng 12 năm 2025)

STT	Mã số hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Số lượng	Ghi chú
I. Vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế						
1	ĐGL.VT1	Ống thông (sond) hút đàm	Cái	Dây/ống thông (sond) hút đàm, có van kiểm soát, các cỡ, các số	200	
2	ĐGL.VT2	Dây thở oxy 2 nhánh các số	Cái	Dây thở oxy 2 nhánh các số	1.000	
3	ĐGL.VT3	Ống thông (sond) dạ dày	Cái	Ống thông (sond) dạ dày (Stomach tube) các số	100	
4	ĐGL.VT4	Ống thông (sond) tiểu 1 nhánh	Cái	Ống thông (sond) tiểu 1 nhánh các số	300	
5	ĐGL.VT5	Ống thông (sond) tiểu 2 nhánh	Cái	Ống thông (sond) tiểu 2 nhánh các số	50	
6	ĐGL.VT6	Ống thông (sond) tiểu 3 nhánh	Cái	Ống thông (sond) tiểu 3 nhánh các số	50	
7	ĐGL.VT7	Mặt nạ thở oxy có túi	Cái	Mặt nạ (mask) thở oxy có túi các cỡ	10	
8	ĐGL.VT8	Mặt nạ xông khí dung	Cái	Mặt nạ (mask) xông khí dung dùng để kết hợp cùng máy xông khí dung các cỡ	10	
9	ĐGL.VT9	Mặt nạ (mask) mũi miệng, dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng nhiều lần	Bộ	Mặt nạ (mask) mũi miệng, dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng nhiều lần	10	
10	ĐGL.VT10	Dây nối bơm tiêm điện	Cái	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối luer lock, độ dài của dây nối là >=140cm	100	
11	ĐGL.VT11	Khoá 3 chia có dây	Cái	Khoá ba chia gắn với phần dây mở rộng kích thước 100cm	100	
12	ĐGL.VT12	Kim gây tê tùy sống	Cái	Kim gây tê/ kim chọc dò tùy sống các số, các cỡ	10	
13	ĐGL.VT13	Kim luồn tĩnh mạch	Cái	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh, có cổng bơm thuốc bổ sung, cơ chế đầu chụp bảo vệ sau khi sử dụng các số, các cỡ	3.000	

14	ĐGL.VT14	Cốc đựng mẫu dùng cho máy sinh hoá	Cái	Cốc đựng mẫu dùng cho máy sinh hoá, kích thước 16x38mm	10.000	
15	ĐGL.VT15	Cốc đựng mẫu dùng cho máy sinh hoá	Cái	Cốc đựng mẫu dùng cho máy sinh hoá, kích thước 1.5ml	2.000	
II. Hóa chất sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240, máy và máy ST 450, Máy A25 Biosystems hoặc tương đương						
1	ĐGL.HC1	Hoá chất định lượng Acid Uric	MI	Hoá chất định lượng Acid Uric	5.400	
2	ĐGL.HC2	Hoá chất định lượng Albumin	MI	Hoá chất định lượng Albumin	5.400	
3	ĐGL.HC3	Hoá chất định lượng Protein	MI	Hoá chất định lượng Protein	5.400	
4	ĐGL.HC4	Hoá chất định lượng Calci toàn phần	MI	Hoá chất định lượng Calci toàn phần	3.600	
5	ĐGL.HC5	Hoá chất định lượng Cholesterol	MI	Hoá chất định lượng Cholesterol	3.200	
6	ĐGL.HC6	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) CK-MB	MI	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) CK-MB	12	
7	ĐGL.HC7	Hóa chất nội kiểm (Quality control) CK-MB mức 1	MI	Hóa chất nội kiểm (Quality control) CK-MB mức 1	28	
8	ĐGL.HC8	Hóa chất nội kiểm (Quality control) CK-MB mức 2	MI	Hóa chất nội kiểm (Quality control) CK-MB mức 2	28	
9	ĐGL.HC9	Hoá chất định lượng HDL-Cholesterol	MI	Hoá chất định lượng HDL-Cholesterol	2.000	
10	ĐGL.HC10	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) HDL-Cholesterol	MI	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) HDL-Cholesterol	14	
11	ĐGL.HC11	Hóa chất nội kiểm (quality control) HDL-Cholesterol mức 1	MI	Hóa chất nội kiểm (quality control) HDL-Cholesterol mức 1	25	
12	ĐGL.HC12	Hóa chất nội kiểm (quality control) HDL-Cholesterol mức 2	MI	Hóa chất nội kiểm (quality control) HDL-Cholesterol mức 2	25	
13	ĐGL.HC13	Hoá chất định lượng LDL-Cholesterol	MI	Hoá chất định lượng LDL-Cholesterol	1.760	
14	ĐGL.HC14	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) LDL-Cholesterol	MI	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) LDL-Cholesterol	14	
15	ĐGL.HC15	Hóa chất nội kiểm (quality control) LDL-Cholesterol mức 1	MI	Hóa chất nội kiểm (quality control) LDL-Cholesterol mức 1	25	
16	ĐGL.HC16	Hóa chất nội kiểm (quality control) LDL-Cholesterol mức 2	MI	Hóa chất nội kiểm (quality control) LDL-Cholesterol mức 2	25	

17	ĐGL.HC17	Hoá chất định lượng Triglycerides	MI	Hoá chất định lượng Triglycerides	1.000	
18	ĐGL.HC18	Hoá chất định lượng Urea	MI	Hoá chất định lượng Urea	1.100	
19	ĐGL.HC19	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá	MI	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá, khử protein, thành phần có chứa Sodium hypochlorite	1.500	
20	ĐGL.HC20	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá	MI	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá, tẩy nhờn, thành phần có chứa Sulfuric acid	1.500	
III. Huyết thanh định nhóm máu						
1	ĐGL.ĐNM1	Huyết thanh định nhóm máu A	Lọ	Huyết thanh định nhóm máu A, lọ >=10ml	5	
2	ĐGL.ĐNM2	Huyết thanh định nhóm máu B	Lọ	Huyết thanh định nhóm máu B, lọ >=10ml	5	
3	ĐGL.ĐNM3	Huyết thanh định nhóm máu AB	Lọ	Huyết thanh định nhóm máu AB, lọ >=10ml	5	
4	ĐGL.ĐNM4	Huyết thanh định nhóm máu D (IgM)	Lọ	Huyết thanh định nhóm máu D (IgM), lọ >=10ml	5	
Tổng cộng: 39 khoản.						